TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ DĨ AN** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 113/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 14-9-2018
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đỗ Thị Liễng

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Ngô Văn Hòa

2. Ông Bùi Kim Châu Hổ

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Trung Hiếu, là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Huyền, Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 605/2018/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2018 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 111/2018/QĐXX-ST ngày 30 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Xuân N, sinh năm 1986; thường trú: Số 26/7 khu phố T, phường T, thị xã D, tỉnh Bình Dương. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Kiều E, sinh năm 1983; thường trú: Ấp T, xã A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng; tạm trú: Số 26/7 khu phố T, phường T, thị xã D, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

- *Người tham gia tố tụng khác:*

Người làm chứng:

1/ Ông Nguyễn Văn X, sinh năm 1962.

2/ Bà Bùi Thị Ngọc T, sinh năm 1963.

Cùng địa chỉ: Số 26/7 khu phố T, phường T, thị xã D, tỉnh Bình Dương. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 30/5/2018, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Xuân N và anh Nguyễn Kiều E có thời gian tìm hiểu khoảng 06 tháng, tổ chức lễ cưới năm 2002, đến năm 2004 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thị xã D, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận kết hôn số 112, quyển số 01 ngày 17/8/2004.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng bố mẹ chị N ở 26/7 khu phố T, phường T, thị xã D, tỉnh Bình Dương. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 11 năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh Nguyễn Kiều E không có trách nhiệm với vợ con, không chăm lo gia đình, kinh tế gia đình khó khăn; cuối năm 2017 chị N phát hiện anh E có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác nhưng không có chứng cứ chứng minh. Nay chị xác định tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Kiều E.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Chí C, sinh ngày 18/4/2003 và Nguyễn Kiều Yến N, sinh ngày 11/3/2008. Sau khi ly hôn, chị N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con và tự nguyện không yêu cầu anh Em cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Xuân N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): Chị Nguyễn Thị Xuân N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Đối với bị đơn anh Nguyễn Kiều E*: Tòa án đã tống đạt văn bản tố tụng yêu cầu bị đơn có ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 30/7/2018 nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do. Nguyên đơn có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải, do vậy vụ án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã tống đạt văn bản tố tụng yêu cầu bị đơn tham gia phiên tòa vào các ngày 17/8/2018 và 14/9/2018 nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do. Việc giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được xem xét trên cơ sở chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và do Tòa án thu thập.

- *Tại biên bản lấy lời khai ngày 06/7/2018, người làm chứng ông Nguyễn Văn X và bà Bùi Thị Ngọc T trình bày*: Ông, bà là cha mẹ ruột của chị Nguyễn Thị Xuân N. Từ năm 2004 đến năm 2015, anh E và chị N sống cùng ông bà, quá trình chung sống thường xuyên xảy ra cãi nhau, nguyên nhân là do anh E không lo làm việc, không chăm lo cho vợ con, thỉnh thoảng còn đánh chị N.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Quá trình tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, các đương sự đã chấp hành và

tuân theo pháp luật đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn có yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do nên Tòa án căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định.

Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận các yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa vào ngày 17/8/2018 và 14/9/2018 nhưng vắng mặt không có lý do, căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung: Chị Nguyễn Thị Xuân N và anh Nguyễn Kiều E đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 112, quyển số 01 ngày 17/8/2004 tại Ủy ban nhân dân phường T, thị xã D, tỉnh Bình Dương nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Chị Nguyễn Thị Xuân N xác định vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng tháng 11 năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh Nguyễn Kiều E không có trách nhiệm với vợ con, không chăm lo gia đình, kinh tế gia đình khó khăn, ngoài ra anh Em còn có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác nhưng chị không có chứng cứ để cung cấp. Tòa án đã xác minh tình trạng hôn nhân tại Hội phụ nữ phường T nhưng Hội phụ nữ không biết nguyên nhân các mâu thuẫn vợ chồng. Quá trình tố tụng, Tòa án đã triệu tập anh E đến Tòa án để hòa giải hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh E không đến, đồng thời chị N có đơn từ chối hòa giải. Căn cứ vào lời khai của người làm chứng có cơ sở xác định trong cuộc sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, tình trạng đã trầm trọng và cả hai đều không muốn hàn gắn. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của chị N là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Chí C, sinh ngày 18/4/2003 và Nguyễn Kiều Yến N, sinh ngày 11/3/2008. Khi giải quyết việc ly hôn, Tòa án cần xem xét đến sự phát triển của con chưa thành niên để quyết định việc giao con cho cha hay mẹ trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, cháu Nguyễn Chí C và Nguyễn Kiều Yến N có nguyện vọng được sống với mẹ, quá trình tố tụng anh Em không có ý kiến gì về việc chị N yêu cầu được nuôi dưỡng các con chung. Căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án giao các con chung cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng.

[4] Về cấp dưỡng: Chị N không yêu cầu anh E cấp dưỡng nuôi con, đây là sự tự nguyện của chị N nên Tòa án ghi nhận.

[5] Tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Ý kiến của Viện kiểm sát phù hợp với quan điểm của Tòa án nên chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Xuân N phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 147, Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Xuân N về tranh chấp ly hôn, nuôi con đối với bị đơn anh Nguyễn Kiều E.

2. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Xuân N được ly hôn với anh Nguyễn Kiều E (Giấy chứng nhận kết hôn số 112, quyển số 01 ngày 17/8/2004 do Ủy ban nhân dân phường Tân Bình, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương cấp).

3. Về con chung:

3.1. Giao con chung tên Nguyễn Chí C, sinh ngày 18/4/2003 và Nguyễn Kiều Yến N, sinh ngày 11/3/2008 cho chị Nguyễn Thị Xuân N trực tiếp nuôi dưỡng.

Sau ly hôn, chị Nguyễn Thị Xuân N và anh Nguyễn Kiều E đều có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con, không ai có quyền cản trở anh, chị thực hiện quyền này. Vì lợi ích về mọi mặt của con khi một hoặc hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án sẽ quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

3.2. Về cấp dưỡng: Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị Xuân N không yêu cầu anh Nguyễn Kiều E cấp dưỡng nuôi con.

4. Tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Xuân N phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp

theo biên lai thu số 0019575 ngày 12/6/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

6. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND thị xã Dĩ An (01);
- CCTHA DS thị xã Dĩ An (01);
- UBND phường Tân Bình, TX.Dĩ An, T.Bình Dương (01);
- Đương sự (02);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (02).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Liễng